

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2012/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Sau khi xem xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 11/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012; Báo cáo thẩm tra số 08/BCTT-KT&NS ngày 16/7/2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012 (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2012; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2012 và điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng

PHỤ LỤC 01
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2012
(Kèm theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh Bình Định)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn 2012	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch sau điều chỉnh	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
A	Vốn ngân sách tỉnh		-			
	<i>Danh mục giảm vốn</i>		-22.887			
1	Trả nợ vay ngân sách	77.930	-20.000	57.930		
2	Mua sắm TTBYT cho TTYT TP.Quy Nhơn	2.000	-2000	0	Sở Y tế	Chưa triển khai trong năm 2012
3	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp Nhà làm việc Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm	130	-130	0	Sở Y tế	Dứt điểm
4	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (mua máy nội soi)	1.310	-6	1.304	Sở Y tế	Dứt điểm
5	Trung tâm dạy nghề Phù Mỹ	1.300	-290	1.010	Sở LĐTB&XH	Dứt điểm
6	Sửa chữa kho lưu trữ Văn phòng Sở LĐTBXH	502	-25	477	Sở LĐTB&XH	Dứt điểm
7	Trạm Kiểm lâm Cát Hải, huyện Phù Cát	350	-215	135	Sở NN&PTNT	Dứt điểm
8	Hạt Kiểm lâm Vân Canh	111	-76	35	Sở NN&PTNT	Dứt điểm
9	Trạm Kiểm lâm Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	1.700	-145	1.555	Sở NN&PTNT	Dứt điểm
	<i>Danh mục tăng vốn</i>		22.887			

a	<i>Các dự án điều chỉnh kế hoạch</i>		2.887				
1	BQL dự án JICA (Chương trình phát triển hạ tầng nông thôn quy mô nhỏ III)	0	50	50	Sở KHĐT		
2	Phòng khám đa khoa KV Bình Dương	0	769	769	Sở Y tế		Trả nợ KLHT
3	Trạm Y tế xã Cát Trinh - Tài trợ bổ sung hợp phần 3 - Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai	0	108	108	Sở Y tế		Trả nợ KLHT
4	Trạm Y tế xã Phước Hòa - Tài trợ bổ sung hợp phần 3 - Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai	0	65	65	Sở Y tế		Trả nợ KLHT
5	Trạm Y tế xã Tây Xuân - Tài trợ bổ sung hợp phần 3 - Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai	0	110	110	Sở Y tế		Trả nợ KLHT
6	Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội	1.500	315	1.815	Sở LĐTB&XH		Trả nợ KLHT
7	Trạm Kiểm lâm Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ	0	450	450	Sở NN&PTNT		Trả nợ KLHT
8	Dự án tổng hợp đới ven bờ	300	270	570	Sở TNMT		Trả nợ KLHT
9	Sửa chữa trụ sở làm việc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	0	200	200	VP Đăng ký sd đất		
10	Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh		400	400	Sở Tư pháp		
11	Hỗ trợ cụm công nghiệp Nhơn Bình	0	150	150	Cty CP PBC (thuộc PISICO)		Dứt điểm
b	<i>Các dự án điều chỉnh tăng từ nguồn giảm trả nợ vay</i>		20.000				
1	Khoản và chăm sóc bảo vệ rừng (thực hiện năm 2011)	0	4.746	4.746	Sở NN&PTNT		Trả nợ KLHT
2	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Bình Định	0	2.745	2.745	Sở NN&PTNT		Đối ứng dự án ODA

3	Chương trình phát triển giống bò	0	732	732	Sở NN&PTNT	
4	Chương trình khí sinh học	0	300	300	Sở NN&PTNT	
5	Cầu Trảy	0	2.000	2.000	Sở GTVT	
6	Đường từ quốc lộ 1D (điểm du lịch số 5 đến khu du lịch Quy Hòa)	0	1.200	1.200	Sở GTVT	
7	Nhà chi bộ đầu tiên của huyện Hoài Ân	0	1.000	1.000	Hoài Ân	
8	Trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn, Hạng mục: sửa chữa 5 nhà xưởng thực hành, hội trường lớn và XD mới đường bê tông nội bộ (thanh toán hạng mục Hội trường lớn)	0	1.000	1.000	Trường CĐ nghề	
9	Cầu suối Cái, Phù Mỹ	0	1.000	1.000	Phù Mỹ	
10	Trường Trung học KT - KT An Nhơn (Nhà lớp học 3 tầng, 16 phòng)	2.462.351	677	3.139.351	Sở NN&PTNT	
11	Thông tuyến đường từ huyện lỵ Vĩnh Thạnh đến giáp ĐT637	867	1.100	1.967	Vĩnh Thạnh	
13	Trường THCS Bồng Sơn 2	2.610	1.000	3.610	Hoài Nhơn	
14	Đê sông Gò Chàm - đoạn thượng lưu đập dâng Hạ Bạc	0	800	800	Tuy Phước	Dứt điểm
15	Chống xói lở dọc bờ Suối Xem (bờ kè Sỏi làng 2)	0	700	700	Vĩnh Thạnh	
16	Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Định	0	1.000	1.000	Sở Y tế	
B	Vốn cấp quyền sử dụng đất					
	<i>Danh mục giảm vốn</i>		-40.000			
1	Trả nợ ngân sách	115.000	-40.000	75.000		
	<i>Danh mục tăng vốn</i>		40.000			
1	Tuyến đường Quốc lộ 19 (đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A)	0	10.000	10.000	Sở GTVT	KCM
2	Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh	3.550	3.720	7.270	Công an tỉnh	Trả nợ KLHT

3	Cầu Bàu Gốc (tuyến QL19 -ĐT636B)	0	1.780	1.780	An Nhơn	
4	Sửa chữa tuyến đường tỉnh lộ ĐT633, ĐT638, ĐT629	0	4.000	4.000	Sở GTVT	Trả nợ KLHT
5	Nâng cấp đoạn tuyến Km51 - Km62 (xã Mỹ An, Mỹ Thành) thuộc tuyến đường ĐT639	0	4.420	4.420	Sở GTVT	Trả nợ KLHT
6	Cầu Ngô La (Km13+100) tuyến ĐT638	0	2.000	2.000	Sở GTVT	Dứt điểm
7	Nâng cấp đoạn tuyến Km44 - Km50 thuộc tuyến đường ĐT639	0	2.500	2.500	Sở GTVT	Dứt điểm
8	Cầu qua An Hào Tây	0	2.000	2.000	Hoài Ân	Trả nợ KLHT
9	Sửa chữa cầu Bồng Sơn	0	2.000	2.000	Hoài Nhơn	
10	Kè chống xói lở bờ Nam sông Hà Thanh	0	2.000	2.000	Quy Nhơn	Trả nợ KLHT
11	Đường giao thông đến trung tâm xã Ân Sơn	0	1.000	1.000	Hoài Ân	
12	NLV BCHQS huyện An Lão	0	800	800	An Lão	Dứt điểm
13	NLV BCHQS huyện Vĩnh Thạnh	0	500	500	Vĩnh Thạnh	Trả nợ KLHT
14	Sửa chữa trụ sở làm việc của Chi cục Biển và Hải đảo	0	280	280	Sở TNMT	
15	Sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Định	0	1.000	1.000	Sở Ngoại vụ	
16	Trụ sở UBND xã Mỹ Thắng	0	1.000	1.000	Phù Mỹ	
17	Trụ sở làm việc UBND xã Phước Thắng	0	500	500	Tuy Phước	
18	Hồ chứa nước suối Lớn, huyện Vân Canh (CBĐT)	0	300	300	Sở NN&PTNT	
19	Bệnh viện sản nhi tỉnh Bình Định (CBĐT)	0	200	200	Sở Y tế	
C	Vốn xố số kiến thiết năm 2012		-	-		
	<i>Danh mục giám vốn</i>		-1.315	-1.315		
1	Trạm Y tế xã Nhơn Châu - Tài trợ bổ sung hợp phần 3 - Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai	280	-20	-20	Sở Y tế	Dứt điểm
2	Trung tâm tâm thần Hoài Nhơn	2.500	-105	-105	Sở LĐTB&XH	Dứt điểm
3	Trường tiểu học số 2 Phước Hưng	261	-261	-261	Tuy Phước	Dứt điểm

4	Trường tiểu học số 1 Phước Quang	218	-218	0	Tuy Phước	Dứt điểm
5	Trường tiểu học số 1 Phước Lộc	261	-261	0	Tuy Phước	Dứt điểm
6	Trường tiểu học số 1 Phước Thành	131	-78	53	Tuy Phước	Dứt điểm
7	Trường THCS Phước Lộc	218	-218	0	Tuy Phước	Dứt điểm
8	Trường THCS Phước Sơn	154	-154	0	Tuy Phước	Dứt điểm
	<i>Danh mục tăng vốn</i>		<i>1.315</i>			
1	Trạm Y tế xã Tây Xuân - Tài trợ bổ sung hợp phần 3 - Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai	0	20	20	Sở Y tế	
2	Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội	0	101	101	Sở LĐTB&XH	
3	Trường Chính trị tỉnh Bình Định (hạng mục: Nhà thường trực, sân bê tông và trang thiết bị phục vụ giảng dạy)	0	4	4	Trường Chính trị tỉnh	
4	Trường tiểu học số 3 Phước Hiệp	131	45	176	Tuy Phước	
5	Trường THCS Phước Thành	0	650	650	Tuy Phước	
6	Trường TH số 2 Phước An	0	495	495	Tuy Phước	
D	Bổ sung vốn xố số kiến thiết năm 2012 (từ nguồn vượt thu năm 2011)		11.029			
1	Trạm y tế xã Nhơn Hội	0	102	102	Quy Nhơn	Quyết toán công trình
2	Trường THCS Ân Mỹ	0	1.500	1.500	Hoài Ân	trả nợ KLHT
3	Sửa chữa Trường năng khiếu Thể dục-Thể thao Bình Định	0	1.000	1.000	Sở VH TT&DL	
4	Đầu tư mua sắm mới 5 máy chạy thận nhân tạo cho Bệnh viện Đa khoa Bình Định	0	1.600	1.600	BVĐK tỉnh	Dứt điểm
5	Trường Chính trị tỉnh Bình Định (hạng mục: Sửa chữa cải tạo khối nhà 3, 4 tầng, hội trường tầng 3, nhà 4 lớp học, nâng cấp nhà ăn, nhà để xe học viên)	1.500	291	1.791	Trường chính trị tỉnh	Dứt điểm
6	Trường tiểu học số 2 Hoài Tân	0	1.936	1.936	Hoài Nhơn	

7	Trường mầm non xã Hoài Hảo	700	1.000	1.700	Hoài Nhơn	
8	Trường mẫu giáo Tam Quan	500	1.400	1.900	Hoài Nhơn	
9	Trường THPT Mỹ Tho	800	1.500	2.300	Sở GDĐT	
10	Trường TH Cát Tiến	300	700	1.000	Phù Cát	

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN VAY ƯU ĐÃI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM NĂM 2012 (đợt 2)
(Kèm theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư hoặc dự toán	Đã bố trí vốn đợt 1 năm 2012 tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 30/3/2012	Kế hoạch vốn 2012 (bổ sung đợt 2)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
	TỔNG CỘNG					40.000		
A	Hỗ trợ GTNT và kiên cố hóa kênh mương					25.000		
I	Hỗ trợ XM cho các huyện theo Chương trình bê tông GTNT				20.000	10.000		
1	Huyện An Lão				1.700	900	UBND huyện An Lão	
2	Huyện Vĩnh Thạnh				1.800	900	UBND huyện Vĩnh Thạnh	
3	Huyện Vân Canh				1.800	900	UBND huyện Vân Canh	
4	Huyện Tây Sơn				1.800	900	UBND huyện Tây Sơn	
5	Huyện Hoài Ân				2.000	1.000	UBND huyện Hoài Ân	

6	Huyện Hoài Nhơn						2.000	1.000	UBND huyện Hoài Nhơn	
7	Huyện Phù Mỹ						2.100	1.000	UBND huyện Phù Mỹ	
8	Huyện Phù Cát						2.100	1.000	UBND huyện Phù Cát	
9	Huyện Tuy Phước						2.000	1.000	UBND huyện Tuy Phước	
10	Thị xã An Nhơn						2.200	1.000	UBND thị xã An Nhơn	
11	Thành phố Quy Nhơn						500	400	UBND thành phố Quy Nhơn	
II	Hỗ trợ theo Dự án							15.000		
1	Kiên cố hóa kênh mương hồ Hóc Sáu			Hoài Ân	3,7km	7.622	2.800	3.600	UBND huyện Hoài Ân	dứt điểm
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào làng dân tộc Trà Hương, xã Cát Lâm			Phù Cát	4,5km	13.296	2.000	3.200	UBND huyện Phù Cát	dứt điểm
3	Nâng cấp đường vào các lò vôi (Hồ Sùng, Phan Thọ)			Tây Sơn	1,5km	1.900	1.200	700	Sở VHTT&DL	dứt điểm
4	BTXM tuyến ĐT636 - Bình Hoà			Tây Sơn	7,6km	20.784	-	3.000	UBND huyện Tây Sơn	dứt điểm
5	BTXM tuyến đường liên xã từ ĐT632 (xã Mỹ Chánh Tây) đến xã Mỹ Tài			Phù Mỹ	3,4km	5.500	-	1.200	UBND huyện Phù Mỹ	
6	Bê tông xi măng tuyến đường Ân Đức đi thị trấn Tăng Bạt Hổ			Hoài Ân	3km	6.267	-	1.200	UBND huyện Hoài Ân	
7	BTXM tuyến đường từ xã Vĩnh Hảo đến giáp đường ĐT637 đi Vĩnh Thuận			Vĩnh Thạnh	2km	5.000	-	1.100	UBND huyện Vĩnh Thạnh	
8	Đường giao thông nông thôn xã Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn			Hoài Nhơn	2km	5.000	-	1.000	UBND huyện Hoài Nhơn	

B	Phần giao các huyện, thị xã, thành phố bố trí (GTNT, kiên cố hóa kênh mương, làng nghề, nuôi trồng thủy sản)									
	Tỉnh bảo lãnh cho các huyện, thị xã, thành phố vay									
1	Huyện Hoài Ân							2.500	1.500	Huyện Hoài Ân
2	Huyện Tây Sơn							3.600	2.300	Huyện Tây Sơn
3	Huyện Hoài Nhơn							4.000	2.500	Huyện Hoài Nhơn
4	Huyện Phù Mỹ							3.600	1.500	Huyện Phù Mỹ
5	Huyện Phù Cát							3.600	2.300	Huyện Phù Cát
6	Huyện Tuy Phước							3.600	2.300	Huyện Tuy Phước
7	Thị xã An Nhơn							4.100	2.600	Thị xã An Nhơn